

## NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH QUYỂN 7

### Phần thứ 5: NHẬP NHÂN QUẢ

**Luận nói:** “Như vậy đã nói nhập tướng của đối tượng nhận thức. Nhập nhân quả thì làm sao thấy được? Là do thí, giới, nhẫn, tinh tấn, tĩn lự và Bát-nhã, sáu thứ Ba-la-mật-đa. Thế nào là do sáu Ba-la-mật-đa mà được nhập Duy thức? Và thế nào là sáu Ba-la-mật-đa thành nhập quả kia? Là Bồ-tát này không vướng mắc tài vị, không phạm Thi-la, đối với khổ không động, đối với tu không biếng trễ. Trong các nhân tán động đó, khi không hiện hành thì tâm chuyên một cảnh, liền có thể như lý chọn lựa các pháp được nhập Duy thức, Bồ-tát nương vào Ba-la-mật-đa nhập Duy thức rồi thì chứng đắc sáu thứ ý lạc thanh tịnh tăng thượng đã gồm thấu các Ba-la-mật-đa, nên ở đây nếu lìa sáu Ba-la-mật-đa mà hiện khởi gia hạnh, thì nhờ Thánh giáo đắc thắng giải và do ái trọng, tùyhy và tác ý hân lạc, hằng vô gián tương ưng phương tiện tu tập sáu Ba-la-mật-đa, nhanh chóng đắc viên mãn”.

**Giải thích:** Nhập nhân Duy thức, là khi gia hạnh thì sáu thứ Ba-la-mật-đa của thế gian, bây giờ sẽ hiển thị. “Là Bồ-tát này không vướng mắc tài vị”, là không có mọi tham cầu, nên gọi là không vướng mắc tham chấp, tức là bỏ sự đối trị, đây là sự đối trị chướng của thí Ba-la-mật-đa, năm Ba-la-mật-đa sau cũng vậy. “Không phạm Thi-la”, hủy phạm là sự đối trị chướng của giới Ba-la-mật-đa. “Đối với khổ không động”, nhẫn động là sự đối trị chướng của nhẫn Ba-la-mật-đa. “Đối với tu không biếng trễ”, biếng trễ là sự đối trị chướng của tinh tấn Ba-la-mật-đa. “Tâm chuyên một cảnh”, là sự đối trị chướng của tĩn lự Ba-la-mật-đa, xa lìa mọi nhân tán động, giữ tâm không lay động khiến nó được định. “Liền có thể như lý chọn lựa các pháp”, là Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Do sáu Ba-la-mật-đa này mà được nhập Duy thức, đã được nhập Duy thức rồi thì chứng đắc sáu thứ Ba-la-mật-đa, thấu tóm phần thắng quả của ý lạc thanh tịnh tăng thượng, nên ở đây nếu lìa sáu Ba-

la-mật-đa mà hiện khởi gia hạnh, hằng thường vô gián tu tập sáu chủng Ba-la-mật-đa nhanh chóng được viên mãn là không phải như thế hay sao? Nếu đối với Thi-la Ba-la-mật-đa không khởi gia hạnh thì đáng lẽ là phạm giới, nghĩa này không đúng, vì không khởi gia hạnh một cách miến cưỡng. Nếu đối với Thi-la không khởi gia hạnh thì đáng lẽ có lỗi này, không phải không phát khởi miến cưỡng gia hạnh mà có lỗi này, do đối với Thánh giáo được thắng giải... tùy ý gia hạnh, do đó không có lỗi. Trong đây “Đối với Thánh giáo đắc thắng giải”, là đối với Ba-la-mật-đa tương ứng với Thánh giáo, tuy rất sâu xa nhưng có thể tin hiểu. “Tác ý ái trọng”, là đối với thọ vị công đức đã đắc Ba-la-mật-đa. “Tác ý tùy hỷ”, là đối với mười phương thế giới trong tha tương tục, hoặc trong mỗi mỗi riêng tự tương tục Ba-la-mật-đa, thâm tâm vui mừng. “Tác ý hân lạc”, là đối với vị lai nguyện ta cùng với pháp này thường không lìa nhau và chuyển thù thắng.

**Luận nói:** “Trong đây có ba bài tụng:

*Đã viên mãn pháp trắng,  
Và đắc nhãn lợi tật,  
Bồ-tát nơi tự thừa,  
Giáo thâm diệu quảng đại,  
Đẳng giác chỉ phân biệt,  
Đắc Trí vô phân biệt,  
Mong cầu thắng giải tịnh,  
Nên ý lạc thanh tịnh.  
Trước và pháp lưu này,  
Đều được thấy chư Phật,  
Biết rõ gần Bồ-đề,  
Vì không khó chứng đắc.*

“Ba bài tụng này chỉ rõ chung về ý lạc thanh tịnh tăng thượng có tám thứ tướng là: Tư lương, gắng nhận, đối tượng duyên, tác ý, đối trị, tự thể, đoan tướng, thắng lợi. Phải biết như thứ tự của nó mà các câu Đà-tha (kệ) đã chỉ ra”.

**Giải thích:** Trong đây nói rõ ý lạc thanh tịnh tăng thượng, cả thấy tư lương, gắng nhận, đối tượng duyên, tác ý, đối trị, tự thể, đoan tướng, thắng lợi. “Đã viên mãn pháp trắng”, là trước hết đối với địa hạnh thắng giải khéo đủ tư lương, pháp trắng viên mãn đó là tư lương. “Và đắc nhãn lợi tật”, là lựa riêng trong duyên (mềm) chỉ lấy phẩm thượng, quán sát kỹ càng pháp nhãn, khi nhãn này chuyển tức là gắng nhận. “Bồ-tát nơi tự thừa, thậm diệu quảng đại giáo”, là bám lấy Thánh giáo

sâu rộng của Đại thừa, nghĩa của Đại thừa vi tế gọi là thậm diệu, tức là pháp vô ngã thù thắng. Oai đức tương ứng gọi là quảng đại, tức là các hư không tạng của Tam-ma-địa, đó là đối tượng duyên. “Đẳng giác chỉ phân biệt”, là giác ngộ tất cả pháp chỉ có phân biệt, đó là tác ý. “Đắc Trí vô phân biệt”, tức là đối trị. “Mong cầu thắng giải tịnh, nên ý lạc thanh tịnh”, tức là tự thể do ý lạc này lấy tín và dục làm tự thể. “Trước và pháp lưu này, đều được thấy chư Phật”, tức là đoạn tướng. “Trước”, là ý lạc thanh tịnh, nó ở trước trong Tam-ma-địa này. “Pháp lưu”, là nói tại Tam-ma-địa, trong định thấy chư Phật, nên “Biết rõ gần Bồ-đề, vì không khó chứng đắc”, là do thấy Phật mà biết Bồ-đề đã gần. Để giải thích nghĩa này nên nói là không khó chứng đắc, tức là thắng lợi. Trong vị này vì thấy Bồ-đề đã gần, mà đã có thể đắc phương tiện thù thắng này, nên chứng đắc không khó. Tu tập uy lực của tư lương, thành thực có năng lực thọ nhận. Như vậy ba bài tụng tổng giải thích tám tướng sai biệt của ý lạc thanh tịnh tăng thượng.

**Luận nói:** “Nhân duyên gì mà Ba-la-mật-đa chỉ có sáu số? Thành lập sự đối trị chướng của đối trị, chứng nơi chốn nương dựa của các pháp Phật, tùy thuận thành thực các hữu tình, vì muốn đối trị nhân không phát hưởng, nên lập thí và giới Ba-la-mật-đa, nhân không phát hưởng là vướng mắc tài vị và vướng mắc gia thất. Vì muốn đối trị tuy đã phát hưởng nhưng lại sinh nhân thối hoàn nên lập nhẫn và tấn Ba-la-mật-đa, nhân thối hoàn là ở trong sinh tử hữu tình trái phạm, sinh ra nhiều khổ và thời gian lâu dài trong phẩm thiện gia hạnh phát sinh chán mệt. Vì muốn đối trị đã sinh phát hưởng không thối lui nhưng có nhân mất hoại, nên lập định và huệ Ba-la-mật-đa, nhân mất hoại là các thứ tán động và huệ tà ác. Như vậy thành lập chỗ đối trị chướng của đối trị, chỉ lập có sáu số. Lại nữa, bốn Ba-la-mật-đa trước là nhân không tán động, một Ba-la-mật-đa kế đó là thành tựu không tán động. Vì không tán động này làm chỗ dựa như thật Đẳng giác chân nghĩa của các pháp, liền có thể chứng đắc tất cả các pháp Phật, chứng chốn nương dựa của các pháp Phật, như vậy nên chỉ có sáu số. Do thí Ba-la-mật-đa mà các hữu tình có thể thâm nhận đúng. Do giới Ba-la-mật-đa mà có thể dẫn dắt hữu tình. Do nhẫn Ba-la-mật-đa tuy bị huỷ hại nhưng có thể nhẫn thọ. Do tinh tấn Ba-la-mật-đa mà có thể trợ giúp kinh doanh chỗ đáng làm của người kia, tức là do dẫn dắt nhân duyên lợi như vậy, khiến cho các hữu tình khi thành sự dị thực có khả năng gắng sức gánh vác. Từ đây về sau, những người tâm chưa định thì khiến họ đắc định, những người tâm đã định thì khiến họ được giải thoát. Khi khai ngộ thì những người

đó được thành thực, như vậy tùy thuận thành thực tất cả hữu tình, phải biết chỉ lập sáu số”.

**Giải thích:** Kế đó phải khai thị phần tối hậu trong bài tụng, số tương đồng với nghĩa, trước hết phải nương vào sự lập số mà nói những lời như vậy. “Thành lập sự đối trị chướng của đối trị”, là ba nhân duyên Ba-la-mật-đa, số chỉ có sáu không hơn không kém. Trước hết phải khai thị thành lập sự đối trị chướng của đối trị. “Vì muốn đối trị nhân không phát hương, nên lập thí giới Ba-la-mật-đa”, cho đến “Vì muốn đối trị nhân hoại mất, nên lập định huệ Ba-la-mật-đa”. Nhân mất hoại, là các tán động và huệ tà ác, điên đảo chấp lấy các trí xấu ác gọi là huệ tà ác. Như các ngoại đạo là nhân mất hoại, các câu còn lại như văn dễ hiểu. “Chứng nơi nương dựa của các pháp Phật”, đây là nhân duyên thứ hai kiến lập sáu số Ba-la-mật-đa, là vì nhân của tất cả pháp Phật, Ba-la-mật-đa chỉ có sáu số không tăng không giảm. Nghĩa đó như thế nào? Bốn Ba-la-mật-đa trước là nhân không tán động, có thể khiến cho sự đối trị tán động không còn nên tĩnh lự Ba-la-mật-đa không tán động thành tựu, khiến cho không tán động được viên mãn. Nương vào tĩnh lự Ba-la-mật-đa này mà như thật đẳng giác chân nghĩa của các pháp, vì có khả năng đối với chỗ duyên chánh biến tri. “Chư pháp Phật”, là mười lực... “Chứng” là làm thành xong. “Tùy thuận thành thực các hữu tình”, là nhân duyên thứ ba thành lập sáu số. Do thí Ba-la-mật-đa đối với các hữu tình có thể thấu nhận đúng. Do giới Ba-la-mật-đa đối với các hữu tình có thể không huỷ hoại; không sinh nã nên do nhân Ba-la-mật-đa tuy bị huỷ hoại vẫn có thể nhẫn thọ, vì có thể nhẫn thọ nên có thể tạo lợi ích người khác, vì không báo thù. Do tinh tấn Ba-la-mật-đa mà trợ giúp việc làm của người kia. Do tĩnh lự Ba-la-mật-đa, người tâm chưa định thì khiến cho đắc định, do huệ Ba-la-mật-đa, người tâm đã định khiến giải thoát. “Khi khai ngộ”, là khi truyền dạy người kia khiến ngộ nhập cảnh giới. “Được thành thực”, là người đối với cảnh giới đã được thành thực. “Thành thực”, là sự đối trị chướng tiêu tan, như mụn nhọt đã muối. Hoặc chủ thể đối trị thành mãn khả dụng như thực phẩm nấu chín.

**Luận nói:** “Sáu tướng này, làm sao thấy được? Do sáu thứ tối thắng: 1. Do chỗ dựa tối thắng, là tâm Bồ-đề làm chỗ dựa. 2. Do sự tối thắng, là hiện hành đầy đủ. 3. Do xứ tối thắng, là tất cả sự lợi ích an lạc của hữu tình làm chỗ tựa. 4. Do phương tiện thiện xảo tối thắng, là chỗ thấu nhận của Trí vô phân biệt. 5. Do hồi hướng tối thắng, là hồi hướng chánh Bồ-đề Vô thượng. 6. Do thanh tịnh tối thắng, là hai chướng phiền não và đối tượng nhận thức không có chỗ tập hợp phát khởi. Thí là Ba-

la-mật-đa hay Ba-la-mật-đa là thí? Có thí nhưng không phải Ba-la-mật-đa phải đặt bốn trường hợp. Như đối với thí này, các Ba-la-mật-đa khác cũng đặt bốn trường hợp như vậy”.

**Giải thích:** Nương vào lập tướng mà nói các câu như vậy, là do sáu thứ tối thắng... Văn của sáu thứ tối thắng dễ hiểu, không cần giải thích riêng. “Hiện hành đầy đủ”, là các sự nội ngoại tất cả chủng loại đều có thể xả. “Chỗ thâm nhận của vô phân biệt trí”, là ba luân thanh tịnh, tất cả phân biệt người thí, người thọ và vật thí đều xa lìa. Các văn còn lại dễ hiểu. Có loại là “Thí nhưng không phải Ba-la-mật-đa”, là lìa sáu thứ tối thắng mà tu bố thí. Có loại là “Ba-la-mật-đa mà không phải thí”, là chỗ tập hợp giới... của sáu thứ tối thắng. Có loại cũng là thí cũng là Ba-la-mật-đa”, là chỗ tập hợp bố thí của sáu thứ tối thắng. Có loại là “Không phải thí cũng không phải Ba-la-mật-đa”, là lìa sáu thứ tối thắng mà tu giới... như vậy đối với thí làm bốn trường hợp, đối với năm Ba-la-mật-đa còn lại, theo chỗ thích ứng của nó đều khéo an lập, nên có tụng nói:

*Sìng lân giác dụ không có,  
Sáu Ba-la-mật-đa,  
Duy ngã tối thắng tôn,  
Thượng phẩm đến bờ giác.*

**Luận nói:** “Nhân duyên gì mà nói sáu thứ Ba-la-mật-đa thứ tự như vậy? Là Ba-la-mật-đa trước tùy thuận sinh Ba-la-mật-đa sau”.

**Giải thích:** “Tùy thuận sinh Ba-la-mật-đa sau”, là đối với tài vị không tham chấp thì đã có thể giữ Thi-la, đã đầy đủ Thi-la thì liền có thể nhẫn thọ. Đã có khả năng nhẫn thọ thì có thể nhẫn nại chịu đựng những thứ trái ngược, nên phát khởi tinh tấn. Đã phát khởi tinh tấn thì tâm liền được định. Tâm đã đắc định rồi thì có thể như thật mà biết, nên sáu thứ này phải thứ tự như vậy.

**Luận nói:** “Lại nữa, các danh ngôn và huấn thích của các Ba-la-mật-đa này, làm sao có thể thấy được? Đối với thiện căn thí... của các thế gian, Thanh-văn, Độc giác, rất thù thắng vì có thể đến bờ giác, nên gọi chung là Ba-la-mật-đa. Và có khả năng phá trừ bản cùng bản sển, có thể dẫn dắt tài vị, tư lương phước đức rộng lớn nên gọi là thí. Lại nữa, có thể dứt trừ cội ác ác giới, và có thể giữ vững được các cội thiện nên gọi là giới. Lại nữa, có thể diệt tận phần nộ oán thù và có thể khéo trụ tự tha an ổn nên gọi là nhẫn. Lại nữa, có thể xa lìa hết thấy biếng trễ xấu ác, pháp bất thiện, có thể xuất sinh vô lượng pháp thiện khiến cho pháp thiện đó tăng trưởng nên gọi là tinh tấn. Lại nữa, có thể tiêu

trừ hết thấy tán động và có thể dẫn dắt nội tâm an trụ nên gọi là tĩnh lực. Lại nữa, có thể khiến trừ tất cả kiến côi, các huệ tà ác và có thể phẩm chân thật riêng biết pháp nên gọi là huệ”.

**Giải thích:** Giải thích tổng danh, là đối với thiện căn thí... của các thế gian, Thanh-văn, Độc giác rất thù thắng, có thể đến bờ giác, nên gọi chung là Ba-la-mật-đa. Đến bờ giác là nghĩa tối thắng. Giải thích biệt danh, là đối với thời nhân có thể phá bỏ xển, có thể dẫn rộng tư lương phước đức, và đối với thời quả có thể phá trừ bản cùng mà đắc đại tài vị nên gọi là thí. Các biệt danh còn lại văn đó cũng dễ hiểu.

**Luận nói:** “Làm sao phải biết tu tập Ba-la-mật-đa như thế? Phải biết tu này lược có năm thứ: 1. Tu hiện khởi gia hạnh. 2. Tu thắng giải. 3. Tu tác ý. 4. Tu phương tiện thiện xảo. 5. Tu thành mọi việc làm. Trong đây bốn tu như trước đã nói. Tu thành mọi việc làm, là Như Lai làm Phật sự tùy ý không lúc nào ngơi nghỉ, đối với Ba-la-mật-đa viên mãn lại càng phải tu tập sáu pháp đến bờ giác. Lại nữa, tác ý tu, là tu chỗ gồm sáu ái trọng, tùy hỷ, hân lạc và tác ý của sáu thứ ý lạc: 1. Quảng đại ý lạc. 2. Trường thời ý lạc. 3. Hoan hỷ ý lạc. 4. Đội ân ý lạc. 5. Đại chí ý lạc. 6. Thuần thiện ý lạc. Hoặc Bồ-tát cho đến bao nhiêu vô số đại kiếp hiện chứng chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng, trải qua thời gian như thế, trong mỗi sát-na, giả sử xả tất cả thân mạng, lấy thế giới nhiều như số cát sông Hằng chứa đầy bảy báu phụng thí Như Lai, cho đến an toạ toà diệu Bồ-đề, Bồ-tát bố thí như vậy ý lạc cũng không chán đủ. Trải qua thời gian như thế, trong mỗi sát-na, giả sử lửa cháy rực đầy trong tam thiên đại thiên thế giới, đối với bốn oai nghi thường thiếu tất cả vật dụng nuôi sống, các tâm giới, nhãn, tinh tấn, tĩnh lực, Bát-nhã hằng hiện hành cho đến an toạ toà diệu Bồ-đề, cả thấy như vậy giới, nhãn, tinh tấn, tĩnh lực, Bát-nhã của Bồ-tát ý lạc cũng không chán đủ, gọi đó là Bồ-tát ý lạc quảng đại. Lại nữa, các Bồ-tát ngay trong đây ý lạc không chán, cho đến an toạ toà diệu Bồ-đề thường không gián đoạn, gọi đó là Bồ-tát trường thời ý lạc. Lại nữa, các Bồ-tát lấy sáu thứ Ba-la-mật-đa tạo lợi ích hữu tình, do việc làm này mà sinh hoan hỷ sâu xa, được lợi ích hữu tình không gì sánh được, đó gọi là Bồ-tát ý lạc hoan hỷ. Lại nữa, các Bồ-tát lấy sáu thứ Ba-la-mật-đa lợi ích cho hữu tình, thấy họ đối với mình có đại ân đức, không thấy mình có ân đức gì với họ, đó gọi là Bồ-tát ý lạc đội ân. Lại nữa, các Bồ-tát lấy sự tích tập thiện căn của sáu thứ đến bờ giác, thâm tâm hồi hướng thí cho tất cả hữu tình, khiến đắc quả dị thực khả ái thù thắng, đó gọi là Bồ-tát ý lạc đại chí. Lại nữa, các Bồ-tát lại lấy như vậy sự tích tập thiện căn

của sáu đến bờ giác, cùng các hữu tình hồi hướng cầu chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng, đó gọi là Bồ-tát ý lạc thuần thiện, như vậy Bồ-tát tu đã gồm thâm tác ý ái trọng của sáu thứ ý lạc này. Lại nữa, Bồ-tát đối với sáu thứ ý lạc của các Bồ-tát khác tu tập tương ứng vô lượng thiện căn, thâm tâm tùy hỷ. Như vậy Bồ-tát tu đã gồm thâm tác ý tùy hỷ của sáu thứ ý lạc này. Lại nữa, các Bồ-tát thâm tâm vui mừng sáu thứ ý lạc đã gồm thâm sáu pháp Ba-la-mật của tất cả hữu tình, cũng nguyện tự thân cùng với sáu pháp Ba-la-mật này mãi không lìa nhau, cho đến an toạ toà diệu Bồ-đề. Bồ-tát như vậy tu đã thuộc tác ý hân lạc của sáu thứ ý lạc. Nếu có người đã nghe sự thuộc về tác ý tu sáu thứ ý lạc của Bồ-tát này, thì nên khởi chỉ một niệm tín tâm, sẽ phát sinh vô lượng phước tu, các nghiệp chướng ác cũng sẽ tiêu diệt, huống gì là Bồ-tát”?

**Giải thích:** Tu là hằng luyện tập. Sai biệt của hiện khởi tu... có năm thứ: 1. Hiện khởi gia hạnh tu, là đối với thí... không có điên đảo chuyển. Như có tụng:

*Thí là thù thắng,  
Tín... thì đầy đủ,  
Cung kính đúng thời,  
Tự tay bố thí.*

Lại nữa, như tụng nói:

*Lợi tha gia hạnh nơi hữu tình,  
Không lựa hữu lực hoặc vô lực,  
Nơi tất cả thời, tất cả thí,  
Tùy năng lực rộng tạo nhiều ích.*

2. Tu thắng giải, là do tín dục mà sinh thắng giải, đối với Thánh giáo của Phật in sâu tùy thuận, vì sinh lạc dục. Như có tụng nói:

*Tuy nơi lợi nghiệp không công dụng,  
Nhưng nơi Phật giáo sinh thắng giải,  
Do tín và dục cùng tương ứng,  
Ý lạc thường tu không bỏ phế.*

3. Tu tác ý, là sự thâm tóm tu tập của tác ý ái trọng, hoan hỷ, hân lạc, như trước đã nói.

4. Tu phương tiện thiện xảo, là Trí vô phân biệt thâm nhận tu tập, cũng như trước đã nói.

5. Tu thành xong việc làm, là pháp đến bờ giác của các Như Lai tuy cực viên mãn, nhưng vì lực của bản nguyện tạo lợi ích lợi tha, không khởi công dụng, tùy theo khả năng của hữu tình kia mà hiện hành... các việc nên làm như thế... Ngay nơi việc tu của người này là việc tu của



người kia nên gọi là tu.

Lại nữa, muốn nói tác ý trước có nghĩa sai biệt là tu chỗ đầu tóm của sáu thứ ý lạc, cho đến ý lạc cũng không chán, vẫn đó dễ hiểu, có nhiều chỗ nói. “Không chán đủ”, là không có mệt nhọc, trong mỗi sát-na trong thời gian trải qua như thế, hoặc có thuyết nói trải qua thời gian như thế làm một sát-na, là trải qua ba vô số kiếp làm một sát-na, sát-na như vậy tích tập cho đến chứng đắc đại Bồ-đề, mỗi mỗi sát-na trong thời gian trải qua như thế, nghĩa đó dễ hiểu. “Lửa cháy rực đầy trong đó”, là hiển sự thiếu thốn, ít có nơi thù thắng. “Thường thiếu tất cả vật dụng nuôi sống”, là hiển không có, vật dụng nuôi sống để đối trị khổ, vì đối trị các khổ mà dẫn dắt. “Đối với bốn oai nghi”, là hiển chí quảng đại, tuy thiếu thốn xứ và vật dụng nuôi sống, nhưng trong tất cả oai nghi tu hành giới... Ba-la-mật, tâm thường hiện tiền. “Ý lạc trường thời”, là đối với thời gian lâu dài không gián đoạn. “Ý lạc đội ân”, là tín giải sâu xa. “Những người đến cầu”, là thiện hữu, đây tức là tin những người đến cầu, đã thí cho mình diệu quả dị thực khả ái, do đó tự mang ân. “Ý lạc đại chí”, là đại chí của ý lạc này tương ứng, vì muốn tạo lợi ích cho các hữu tình, đã hồi hướng thiện căn thí cho tất cả ý lạc như vậy rất thù thắng, nên gọi là ý lạc đại chí. “Ý lạc thuần thiện”, nghĩa của nó là một. “Lập biệt danh”, là nếu bố thí... hồi hướng cầu tiền, địa vị viên mãn nơi ba cõi, như vậy là ý lạc mong cầu món khổ, dường như có tội, nên không gọi là thuần thiện. Nếu bố thí... cùng với các hữu tình hồi hướng cầu quả Phật, ý lạc như vậy là không cầu vật dụng khổ, đều không có tội nên gọi là thuần thiện. Tu chỗ đầu tóm ba thứ tác ý của sáu thứ ý lạc này, lời văn dễ hiểu, không phiền giải thích lại. “Nghiep chướng các ác cũng sẽ tiêu diệt”, là vì khiến cho không quả, hoặc trị cõi ác.

**Luận nói:** “Sai biệt của các Ba-la-mật-đa này làm sao thấy được? Phải biết từng thứ Ba-la-mật-đa đều có ba phẩm. Ba phẩm thí: 1. Pháp thí. 2. Tài thí. 3. Vô úy thí. Ba phẩm giới: 1. Luật nghi giới. 2. Nhiếp pháp thiện giới. 3. Tạo lợi ích hữu tình giới. Ba phẩm nhẫn: 1. Nhẫn nại oán hại. 2. Nhẫn an thọ khổ. 3. Nhẫn để sát pháp. Ba phẩm tinh tấn: 1. Tinh tấn bị giấp. 2. Tinh tấn gia hạnh. 3. Tinh tấn không khiếm nhược không thối chuyển không hỷ túc. Ba phẩm tĩnh lự: 1. Tĩnh lự an trụ. 2. Tĩnh lự dẫn phát. 3. Tĩnh lự xong việc phải làm. Ba phẩm huệ: 1. Huệ không phân biệt gia hạnh. 2. Huệ không phân biệt. 3. Huệ không phân biệt hậu đắc”.

**Giải thích:** Từng thứ Ba-la-mật-đa này đều có ba phẩm để chỉ rõ



sự khác nhau. “Pháp thí”, là không có tâm nhiễm, như thật nói các pháp của khế kinh. “Tài thí”, là không có tâm nhiễm, xả bỏ dụng cụ nuôi sống. “Vô úy thí”, là ngưng dứt sự tổn hại, cứu giúp những người sợ hãi. Lại nữa, pháp thí, là vì muốn giúp ích các thiện căn người khác, tài thí, là vì muốn giúp ích thân của người khác, vô úy thí, là vì muốn giúp ích tâm của người khác. “Luật nghi giới”, là pháp có khả năng xa lìa mọi bất thiện và phòng hộ thọ trì, do có thể phòng hộ các ác và các thân ngữ nghiệp bất thiện nên gọi là luật nghi. Ngay nơi giới này có thể kiến lập hai Thi-la sau, do tự phòng hộ, có thể tu cúng dường thiện căn của Phật và có thể tạo lợi ích cho các hữu tình. “Nhiếp pháp thiện giới”, là có thể khiến cho chúng đắc mười lực, bốn vô úy... nơi tất cả pháp Phật. “Tạo lợi ích hữu tình giới”, là có thể trợ giúp cho hữu tình sống như pháp, bình đẳng phân bố, tác nghiệp không có tội thành thực hữu tình.

“Nhẫn nại oán hại”, là nhân chuyển thành thực của các hữu tình. “Nhẫn an thọ khổ”, là nhân thành Phật, nên các loại nóng lạnh đói khát... nơi các thứ sự khổ đều có thể nhẫn thọ không thối chuyển.

“Nhẫn đế sát pháp”, là chỗ dựa của hai nhẫn trước, là vì pháp thâm diệu quảng đại của gắng nhận.

“Tinh tấn bị giáp”, là lần đầu tiên bắt đầu tự cố gắng, ta phải làm các sự như vậy, tức là giải thích chỗ nêu các câu ban đầu có uy thế trong khế kinh. “Tinh tấn gia hạnh”, là khi tu gia hạnh, như chỗ ý thích mà siêng tu gia hạnh, tức là giải thích đã nói các câu kế đó có cần siêng năng trong khế kinh. “Tinh tấn không khiếm nhược không thối chuyển không hỷ túc”, là tùy ý thích mà làm các sự thiện, cho đến an toạ toà diệu Bồ-đề cuối cùng không buông xả, trước mọi khổ nhọc, tâm mình không thối khuất, gọi là không khiếm nhược, Người khác bức kại mình, tâm không dao động gọi là không thối chuyển, cho đến khoảng trung gian chưa đắc Bồ-đề, tấn tu phẩm thiện thường không biếng nhác bỏ phế gọi là không hỷ túc. Ba câu như vậy, giải thích như niệm đã nói trong khế kinh. Có câu dũng mãnh đối với các pháp thiện không xả bỏ ách thiện. “Tinh lự an trú”, là đắc trụ hiện pháp lạc, lìa mạn, kiến và ái mà đắc thanh tịnh. “Tinh lự dẫn phát”, là có thể dẫn phát công đức thù thắng của các đại thân thông. “Tinh lự làm xong việc phải làm”, là muốn tạo lợi ích cho loại hữu tình, vì có thể ngưng dứt các sự khổ não kinh sợ, đói nghèo bệnh tật. “Huệ không phân biệt gia hạnh”, là chân quán trí thắng phương tiện trước. “Huệ vô phân biệt”, là trí chân quán. “Huệ vô phân biệt hậu đắc”, là hiện quán biên các trí thế tục, có thể phát khởi vô số sự thuyết pháp.

**Luận nói:** “Tướng gồm thâu như vậy làm sao thấy được? Do đây có thể thâu tóm tất cả pháp thiện, vì chính là tướng, là tùy thuận, là đẳng lưu”.

**Giải thích:** “Do đây có thể gồm thâu tất cả pháp thiện”, câu đáp này phi lý vì không đúng như câu hỏi. Trước đã hỏi chung: “Tướng gồm thâu như vậy làm sao thấy được”, là không có lỗi phi lý này, vì nói tướng gồm thâu ấy có thể gồm thâu tất cả pháp thiện, nghĩa của nó đã nói rồi. “Tướng gồm thâu kia cũng gồm thâu tất cả pháp thiện này”, là Thí..., Tín..., các Niệm trụ..., Lực... đặt ở sau. “Vì chính là tướng”, chính là gồm thâu thể tướng, là những thí... này cùng với những thí... kia gồm thâu lẫn nhau. “Là tùy thuận”, chính là gồm thâu tùy thuận với chỗ tu pháp thiện của tín... tâm thiện của thí..., vì các pháp thiện kia tùy chuyển trong thí. Tín là các thiện, đại thí và niệm trụ... là phần pháp Bồ-đề. “Là đẳng lưu”, là gồm thâu đẳng lưu, là không tranh... Và mười Lực..., là quả Đẳng lưu đến bờ giác. Như có tụng nói:

*Địa và đến bờ kia,  
Chỗ dựa của pháp Phật,  
Chuyển y của pháp thân  
Các công đức làm quả.*

**Luận nói:** “Chỗ đối trị như vậy, thâu tóm các tạp nhiễm làm sao thấy được? Là tướng này, là nhân này, là quả này”.

**Giải thích:** Như vậy sự đối trị keo kiệt, phạm giới, phần hận, biếng trễ, tán động và huệ ác, làm thế nào có thể thâu tóm tất cả tạp nhiễm? “Là tướng này”, là thâu tóm sai biệt của... Vì tự tánh lìa tha tánh. “Là nhân này”, là tà kiến của bất tín... đặt ở sau nhân của keo kiệt..

**Luận nói:** “Như vậy sáu thứ Ba-la-mật-đa, thắng lợi của nó có làm sao thấy được? Là các Bồ-tát lưu chuyển nơi sinh tử vì phú quý thâu tóm, vì đại sinh thâu tóm, chỗ thâu tóm của đại bằng hữu quyến thuộc, chỗ thâu tóm của sự nghiệp quảng đại thành tựu gia hạnh, chỗ thâu tóm của tánh không nào hại dứt hết mọi trần cấu, chỗ thâu tóm của khéo nhận biết tất cả công luận minh xứ, thắng sinh vô tội cho đến an toạ toà Bồ-đề, thường hiện làm tất cả nghĩa lợi của tất cả hữu tình, đó là thắng lợi”.

**Giải thích:** Bây giờ sẽ nói hiển thị công đức thắng lợi của Ba-la-mật-đa. “Vì phú quý thâu tóm”, là sự đắc thắng lợi của thí Ba-la-mật-đa. Từ câu “Thắng sinh vô tội” cho đến “Đó là thắng lợi”, là đối với tất cả chỗ phải phối thuộc khắp hết. “Vì đại sinh thâu tóm”, là sự đắc thắng lợi của giới Ba-la-mật-đa, vì cõi thắng thiện thâu tóm nên gọi là đại

sinh. “Chỗ thâm tóm của đại bằng hữu quyền thuộc thuộc”, là sự đắc thắng lợi của nhân Ba-la-mật-đa, bằng là thân tộc, thuộc là nô tỳ. “Chỗ thâm tóm của sự nghiệp quảng đại thành tựu gia hạnh”, là sự đắc thắng lợi của tinh tấn Ba-la-mật-đa. Sự nghiệp quảng đại là luân vương, trong đây khuyến khích cố gắng gọi là gia hạnh. Việc làm đều xong nên gọi là thành tựu, do sự thâm tóm này mà không có chướng ngại, không có não hại. “Sự thâm tóm của tánh không não hại, dứt sạch trần cấu”, là sự đắc thắng lợi của tĩnh lực Ba-la-mật-đa. Do tĩnh lực mà cảm chiêu cảm oai lực này. “Sự thâm tóm của khéo biết tất cả công luận minh xứ”, là sự đắc thắng lợi của huệ Ba-la-mật-đa. “Thắng sinh vô tội”, tuy đồng với thế gian đạt đời sống thù thắng, nhưng không như đời sống của thế gian có tội, đã không có tội thì cũng là không có biến, tương tục vô gián cho đến Bồ-đề, không giống như thế gian chỉ tự lợi ích, nên thường thể hiện làm tất cả nghĩa lợi của tất cả hữu tình.

**Luận nói:** “Như vậy sáu thứ Ba-la-mật-đa quyết chọn lẫn nhau làm sao thấy được? Đức Thế Tôn đối với tất cả sáu thứ Ba-la-mật-đa này, có chỗ thì dùng tiếng thí để nói, hoặc có chỗ thì dùng thanh giới để thuyết, hoặc có chỗ thì dùng tiếng nhân để nói, hoặc có chỗ thì dùng tiếng cần để nói, hoặc có chỗ thì dùng tiếng định để nói, hoặc có chỗ thì dùng tiếng huệ để nói. Những điều được nói ấy có ý nghĩa sâu xa gì? Là trong tất cả Ba-la-mật-đa tu gia hạnh đều có tất cả Ba-la-mật-đa cùng nhau trợ thành, là ý nghĩa như vậy”.

**Giải thích:** “Là trong tất cả Ba-la-mật-đa tu gia hạnh thì đều có tất cả Ba-la-mật-đa cùng nhau trợ thành, là ý nghĩa như vậy”, tức trong mỗi mỗi tu gia hạnh liền có sự tương trợ lẫn nhau, là khi tu thí thì có giới cấm, phòng hộ, nhân thọ, tinh cần, chuyên tâm, khéo hiểu nghiệp quả, phụ thuộc lẫn nhau. Như thế ngay trong thí có các Ba-la-mật-đa khác chuyển, hoặc khi tu giới thì xa lìa keo kiệt, phần hận, biếng nhác, tán động, tà kiến, như vậy ngay trong giới có các Ba-la-mật-đa khác chuyển. Tu tập các Ba-la-mật-đa khác cũng nói như thế. Như có tụng nói:

*Khi thí, không tham, không phạm giới,  
Không ganh, không sân, khởi tâm từ,  
Những người đến cầu liền thí cho,  
Không định, không loạn, không dị kiến.*

Lại có tụng nói:

*Trong tánh thí hiện có,  
Sáu Ba-la-mật-đa,*

*Chỗ gồm của pháp thí,  
Tài thí, vô úy thí.*

**Luận nói:** Trong đây có một bài tụng:

*Số tướng và thứ lớp,  
Huấn từ, tu sai biệt,  
Thâu công đức chỗ trị,  
Phải biết quyết chọn nhau.*

**Giải thích:** Gồm thâu chung các văn trước, nghĩa giải thích như trên.

-----

*Phần thứ 6: TU SAI BIỆT*

**Luận nói:** “Như vậy đã nói nhập nhân quả ấy, tu sai biệt kia làm sao thấy được? Do mười địa Bồ-tát. Những gì là mười? 1. Địa Cực hỷ. 2. Địa Ly cấu. 3. Địa Phát quang. 4. Địa Diệm huệ. 5. Địa Nan thắng. 6. Địa Hiện tiền. 7. Địa Viễn hành. 8. Địa Bất động. 9. Địa Thiện huệ. 10. Địa Pháp vân. Các địa như vậy an lập làm mười địa, làm sao thấy được? Đó là nhằm đối trị chỗ trị chướng của mười thứ vô minh. Tại sao vậy? Vì đối với mười tướng nhận biết về pháp giới có trụ nơi chỗ trị chướng của mười vô minh. Thế nào là chỗ nhận biết về pháp giới của mười tướng? Là trong địa thứ một do nghĩa biến hành, trong địa thứ hai do nghĩa tối thắng, trong địa thứ ba do nghĩa thắng lưu; trong địa thứ bốn do nghĩa không thấu nhận, trong địa thứ năm do nghĩa tương tục không sai biệt, trong địa thứ sáu do nghĩa không tạp nhiễm thanh tịnh, trong địa thứ bảy do nghĩa vô số pháp không sai biệt, trong địa thứ tám do nghĩa bất tăng bất giảm, nghĩa tướng tự tại y chỉ, nghĩa độ (cõi) tự tại nương dựa; trong địa thứ chín do nghĩa trí tự tại y chỉ, trong địa thứ mười do nghĩa của nghiệp tự tại nương dựa, nghĩa nương dựa của Đà-ra-ni môn Tam-ma-địa môn tự tại. Trong đây có ba bài tụng:

*Nghĩa biến hành, tối thắng,  
Cùng với nghiệp thắng lưu,  
Như vậy nghĩa không gồm  
Nghĩa tương tục vô biệt.  
Nghĩa không tạp nhiễm, tịnh,  
Nghĩa vô số vô biệt,  
Nghĩa bất tăng, bất giảm,  
Nghĩa bốn tự tại dựa.  
Trong pháp giới có mười,  
Không nhiễm ô vô minh.  
Trị chỗ trị chướng này,  
Nên an lập mười địa.*

Lại nữa, phải biết vô minh như vậy đối với Thanh-văn, Độc giác thì không phải nhiễm ô, còn đối với các Bồ-tát thì có nhiễm ô”.

**Giải thích:** Vì muốn chỉ rõ sự gồm thấu Ba-la-mật-đa của nhân quả nhập tướng của đối tượng nhận thức, tùy chỗ phải khéo tu tập của nó, đã có thể trừ chỗ chướng đáng đoạn của kiến đoạn và tu đoạn, nên luận biện vị trí tu khác nhau của nhân quả. “Do mười địa Bồ-tát”, là các Bồ-tát trong địa này tu tập hiện quán, lìa lỗi lìa tham tu Bồ-đề

phần, quán sát các đế, quán sát duyên khởi, trong vô tướng, có công dụng hoặc không công dụng, đắc thắng biện tài, đến chân quán đắc, trừ diệt sở tri chướng và phiền não chướng, nên tu tập này có mười địa riêng biệt. “Vì đối với mười tướng”, là biến hành... “Pháp giới được nhận biết”, là do chỗ hiển pháp giới của mười tướng. “Có trụ nơi chỗ trị chướng của mười vô minh”, là đối với mười tướng có mười chỗ đối trị chướng của mười vô minh làm chướng mà trụ, vì đoạn chướng này nên tu mười tướng trí, do mười tướng trí mà được nhập vào pháp mười địa nơi trí vô ngã. Phần vị gọi là địa. “Trong địa thứ một do nghĩa biến hành”, tức là tất cả pháp không trong địa thứ một, không có một chút pháp nào mà không phải là không nên gọi là biến hành, biết rõ nghĩa này thì được nhập địa thứ một. “Trong địa thứ hai do nghĩa tối thắng”, là lý không này trong tất cả pháp rất thù thắng, như nói lia dục rất thù thắng, biết rõ nghĩa này thì được nhập địa thứ hai. “Trong địa thứ ba do nghĩa thắng lưu”, là chỗ lưu hành giáo pháp này rất thù thắng, xả thân mạng để cầu khéo nói này không lấy làm khó, biết rõ nghĩa ấy này thì được nhập địa thứ ba. “Trong địa thứ bốn do nghĩa không thấu nhận”, là các đoạn pháp ái của khế kinh, không có chấp chỗ gồm thân phi tự phi tha của ngã sở quán, biết rõ nghĩa này thì được nhập địa thứ bốn. “Trong địa thứ năm do nghĩa tương tục không sai biệt”, là biết rõ nghĩa này không phải tương tục sai biệt như sắc, biết rõ nghĩa này thì được nhập địa thứ năm. “Trong địa thứ sáu do nghĩa không tạp nhiễm thanh tịnh”, là biết tự tánh xưa nay không có tạp nhiễm cũng không có thanh tịnh. Vì tạp nhiễm trước sau đều có thể tịnh, biết rõ nghĩa này thì được nhập địa thứ sáu. “Trong địa thứ bảy do nghĩa vô số pháp không sai biệt”, là như vô số pháp riêng biệt của khế kinh, vô số pháp này không phải như vậy, biết rõ nghĩa này thì được nhập địa thứ bảy. “Trong địa thứ tám do nghĩa bất tăng bất giảm”, là ngoại pháp không dụng nên bất tăng, các pháp không hoại nên bất giảm, hoặc khi pháp nhiễm giảm thì pháp này không giảm, hoặc khi pháp tịnh tăng thì pháp này không tăng. “Nghĩa tướng tự tại nương dựa, nghĩa độ (cõi) tự tại nương dựa”, là ngay trong địa thứ tám này, chỗ chứng pháp giới là hai tự tại, chốn nương dựa tùy chỗ cầu tướng muốn khiến cho hiện tiền, như thắng giải đó có thể liền hiện tiền gọi là tướng tự tại, tùy chỗ mong cầu cõi báu kim, ngân... như thắng giải đó có thể liền hiện tiền gọi là cõi tự tại. Trong các địa trước tuy cũng được trụ vô sai biệt này, nhưng sau khi khởi công dụng mới được thành. Trong địa này thì có thể không có công dụng mà tùy ý muốn thì liền thành nên gọi là tự tại, biết rõ nghĩa này thì được nhập địa

thứ tám. “Trong địa thứ chín do nghĩa trí tự tại nương dựa”, là trong địa này đặc chốn dựa của vô ngại biện, từng phần chứng đặc trí Ba-la-mật-đa, đối với tất cả pháp không tùy theo ngôn ngữ của nó mà có thể khéo hiểu biết rõ ràng về ý nghĩa sâu xa, như thật thành thực hữu tình thọ pháp lạc thù thắng, biết rõ nghĩa này thì được nhập địa thứ chín. “Trong địa thứ mười do nghĩa nương dựa của nghiệp tự tại, nghĩa nương dựa...”, là tùy sự muốn mà được công dụng thân nghiệp ngữ ý tự tại, trong năm thần thông tự tác nghiệp đều có thể thành tựu, vì được văn nghĩa giữ vững các lực tự tại của Đà-la-ni, có khả năng nhớ chắc, không quên tất cả văn nghĩa mà Phật nói, vì đặc lực tự tại của Tam-ma-địa, đối với các đẳng chí có thể duy trì, có thể đoạn dứt, tùy theo chỗ muốn đó mà các Tam-ma-địa Tam-ma-bát-đề của hư không tạng có thể hiện tiền. Pháp giới đã chứng trong địa thứ mười, như vậy các Tam-ma-địa này là chỗ dựa của tự tại. Biết rõ nghĩa này thì được nhập mười địa. “Vô minh như vậy đối với Thanh-văn, Độc giác thì không phải nhiễm ô”, vì không phải chỗ đoạn. Không phải chỗ đoạn thì không nhập nơi chủ thể trị, nên đối với Niết-bàn của Thanh-văn, Độc giác không bị chướng. “Đối với các Bồ-tát là nhiễm ô”, vì nó là đối tượng được đoạn trừ. Là đối tượng được đoạn trừ thì chính là nhập chủ thể đối trị địa, Bồ tát cầu hết thấy chủng trí, như vậy vô minh có khả năng gây chướng ngại. Khi đã nhập sơ địa thì đặc thông đạt hết thấy pháp giới, vì sao lại lập các sai biệt sau? Vì muốn hiển thị các trụ hiện hành nên lập các địa sai biệt sau, là vì an trụ như sự đặc pháp giới phẩm thắng trụ hiện hành riêng của nó, không phải chỉ chứng đặc thì liền sinh hỷ tức (mừng đủ) rồi thản nhiên mà trụ

**Luận nói:** “Lại nữa, vì sao Sơ địa gọi là Cực hỷ? Do địa này đầu tiên đặc chủ thể thành tựu công đức tự tha nghĩa lợi thù thắng. Tại sao hai địa gọi là Ly cấu? Do xa lìa cấu uế phạm giới. Tại sao ba địa gọi là Phát quang? Do chỗ dựa của đẳng trì, đẳng chí không thối chuyển, vì chỗ dựa của đại pháp quang minh. Tại sao bốn địa gọi là Diệm huệ? Do các phần pháp Bồ-đề đốt cháy hết mọi chướng. Vì sao năm địa gọi là Cực nan thắng? Do trí chân đế và trí thế gian trái nghịch lẫn nhau, hòa hợp cái khó hợp này khiến chúng tương ứng. Tại sao sáu địa gọi là Hiện tiền? Do trí duyên khởi làm chỗ dựa, có thể khiến cho Bát-nhã Ba-la-mật-đa hiện tiền. Tại sao bảy địa gọi là Viển hành? Vì đến hành công dụng tối hậu biên. Tại sao tám địa gọi là Bất động? Do tất cả tướng hành có công dụng không thể lay động. Tại sao chín địa gọi là Thiện huệ? Do đặc trí vô ngại tối thắng. Tại sao mười địa gọi là Pháp vân? Do



đắc tổng duyên trí hết thủy pháp, hàm chứa tất cả môn Đà-la-ni, môn Tam-ma-địa, ví như đám mây lớn có thể che khuất hư không rộng khắp, lại cũng đối với pháp thân có thể viên mãn”.

**Giải thích:** Nương vào nhân của tiếng chuyển mà khởi nói như vậy. Do đây mà đầu tiên đắc có thể thành tựu công năng tự tha nghĩa lợi thù thắng nên nói: “Như khi Bồ-tát nhập hiện quán thì đắc có thể thành tựu công năng tự tha nghĩa lợi tối thắng sinh cực hoan hỷ”, không giống như Thanh-văn, Độc giác khi nhập hiện quán thì chỉ đắc có thể thành tựu công năng tự lợi. Sinh hỷ như vậy nên không gọi đó là địa Cực hỷ. Nếu trong sơ địa không tương ứng thì các địa sau cũng không tương ứng, vì đây là địa đầu tiên. “Do xa lìa cấu uế phạm giới” là vì trong địa này đã thành tựu tánh giới, xa lìa tất cả uế cấu huỷ giới. “Do chỗ dựa của đẳng trì, đẳng chí không thối chuyển”, là trong địa này chứng định hy hữu, có thể phát trí quang soi rõ các pháp nên gọi là phát quang, đã đắc không mất nên gọi là không thối chuyển, các định tĩnh lực gọi là đẳng trì, các định vô sắc gọi là đẳng chí. Hoặc nói đẳng trì là tâm một cảnh tướng, nói đẳng chí là chánh thọ hiện tiền. “Chỗ dựa của Đại Pháp quang minh”, là trong địa này cùng với định tương ứng không có thối chuyển. Đối với các pháp của khế kinh Đại thừa đắc trí quang minh, thì địa này là nhân của chỗ dựa nơi trí quang minh kia, nên gọi là phát quang. “Diệm huệ”, vì trong địa này huệ rực rỡ nên gọi là Diệm huệ. Địa này là tất cả phần pháp Bồ-đề nên gọi là diệm, đốt cháy hết mọi chướng nên Bồ-đề phần này phần nhiều khi an trụ thì khiến cho các phiền não đều thành tro tàn. “Cực nan thắng”, là rất khó có thể thắng được, là nói trí chân đế không phân biệt, tất cả trí về công luận, in, sách vở của thế gian là có phân biệt. Trí chân đế và trí tục đế trái nghịch nhau, khó dẫn phát khiến chúng tương ứng. Địa này có thể hoà hợp khiến cho không trái nghịch, nên gọi là cực nan thắng. “Hiện tiền”, là Bát-nhã tối thắng đến bờ giác trụ hiện tiền, là trong địa này chứng trụ duyên khởi, trí lực duyên khởi, khiến cho Bát-nhã tối thắng không phân biệt trụ nơi đến bờ giác, tự tại hiện tiền, biết tất cả pháp không nhiễm không tịnh. “Viễn hành”, vì đến hành công dụng tối hậu biên, là trong địa này các hành công dụng rất rốt ráo, tất cả pháp tướng tuy không thể lặc động, nhưng đối với vô tướng thì cũng vẫn còn có công dụng. “Bất động”, là hết thủy tướng và hạnh đều không thể động tâm đó. Trong đệ thất địa tuy là chỗ không thể động của tất cả tướng, vì không hiện hành, nhưng không tự tại tùy ý chuyển, vì còn có gia hạnh. Trong đệ bát thì tùy ý mà chuyển, vì không khởi gia hạnh, không công dụng, đó gọi là

sự khác nhau của hai địa đệ thất và đệ bát. “Thiện huệ”, là đắc bốn trí vô ngại giải tối thắng, vô ngại giải trong các trí là thù thắng nhất, trí tức là huệ nên gọi là thiện huệ. “Tứ vô ngại”, là pháp, nghĩa, từ và biện. Do pháp vô ngại tự tại nên biết rõ tất cả pháp cú. Do nghĩa vô ngại tự tại nên thông đạt tất cả nghĩa lý. Do từ vô ngại mà tự tại phân biệt tất cả ngôn từ. Do biện vô ngại mà khắp mười phương tùy chỗ thích nghi biện thuyết tự tại. Tối sơ chứng đắc trong địa này, vì trước kia chưa từng đắc trí vô ngại giải nên gọi là thiện huệ. “Pháp vân”, là do đắc tổng duyên trí nhất thiết pháp, tổng duyên pháp của tất cả khế kinh, không lìa chân như, đây là cảnh trí nơi cộng tướng của tất cả pháp, ví như vầng mây lớn môn Đà-la-ni môn Tam-ma-địa, cũng như trí tịnh thủy có thể tàng chứa các môn kia, như mây chứa nước có thể sinh công năng thù thắng. Lại nữa, như đám mây lớn có thể che khuất hư không. Như vậy tổng duyên tất cả pháp trí che khuất hai chướng như hư không rộng lớn vô biên là hoặc chướng và trí chướng. “Che khuất”, có nghĩa là ngăn cách, có nghĩa là đoạn dứt. Lại nữa, như đám mây lớn mưa xuống nước mát sạch đầy khắp hư không, như vậy tổng duyên hết thảy pháp trí xuất sinh vô lượng công đức thù thắng, sung mãn chỗ dựa và chỗ chứng đắc của pháp thân.

**Luận nói:** “Đắc các địa này làm sao có thể thấy được? Do bốn thứ tướng: 1. Đắc thắng giải, là đắc tín giải sâu xa nơi các địa. 2. Đắc chánh hạnh, là đắc tương ứng mười chủng hạnh chánh pháp của các địa. 3. Đắc thông đạt, là đối với sơ địa khi đạt pháp giới thì có thể thông đạt khắp tất cả địa. 4. Đắc thành mãn, là tu các địa đến cứu cánh”.

**Giải thích:** Nương vào chỗ đắc các địa mà nói những lời như vậy. Do bốn thứ tướng. “1. Đắc thắng giải, là đắc tín giải thâm sâu của các địa”, là đối với giáo pháp của địa quyết định chứng nhận chân thật như vậy. “2. Đắc chánh hạnh, là đắc tương ứng mười thứ hạnh chánh pháp của các địa”, là đắc đối với giáo pháp, mười thứ pháp hạnh, là đối với các địa tương ứng giáo pháp, biên chép cúng dường, chuyển thí, nghe phân tích, đọc thọ trì, mở bày, phúng tụng, tư duy tu tập. “3. Đắc thông đạt, là đối với sơ địa khi đạt pháp giới thì có thể thông đạt khắp tất cả địa”, là nếu khi sơ địa chánh thức thông đạt thì có thể nhanh chóng thông đạt tất cả địa sau, các chủng loại này nên có tụng nói:

*Như tre chẻ mắt đầu,  
Thì đoạn khác phá nhanh,  
Đắc chân trí sơ địa,  
Các địa mau được thành.*

“4. Đắc thành mãn, là tu các địa đến cứu cánh”, là phần quả thành mãn trong từng địa, hoặc thành mãn tối hậu .

**Luận nói:** “Tu các địa này làm sao thấy được? Là các Bồ-tát trong từng địa tu Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na đều do năm tướng tu. Những gì là năm tướng? Là tu tập tổng, tu vô tướng, tu không công dụng tu, tu xí thịnh, tu vô hỷ tức, năm tu như vậy khiến cho các Bồ-tát làm thành xong năm quả, là trong niệm niệm tiêu dung mọi nương dựa thô trọng, lia các thứ tướng, đắc nơi vườn lạc pháp, có khả năng chánh biết rõ đúng tướng chu biến vô lượng, vô phần hạn. Đại pháp quang minh thuận phần thanh tịnh, không có sự phân biệt, hiện hành vô tướng, vì khiến cho pháp thân thành tựu viên mãn có thể thâm nhận đúng các thắng nhân sau”.

**Giải thích:** “Trong từng địa”, là các địa không phải một nên nói từng địa. “Xa-ma-tha”, là chủ thể đối trị các định tán động. “Tỳ-bát-xá-na”, là chủ thể đối trị các huệ điên đảo. Trong từng địa tu hai thứ này đều do năm tướng niệm niệm tu tập. Năm tướng tức là tu tập tổng... “Tu tập tổng”, là tập hợp tất cả phần chung làm một tụ, lựa riêng pháp yếu để tu tập, ngoài ra các sự và cảnh giới quán của các cốt toả khác cũng tập hợp tất cả phần chung làm một tụ chính yếu để tu tập. Vì lựa riêng với tu tập tổng nên gọi là tu vô tướng. Trong chân pháp giới ly chúng tướng, để khiến trừ sự sai biệt mà tu tập, tuy vô tướng tu hoặc có công dụng, để hiển tu này không dựa vào công lực mà chuyển tùy ý. Lại nữa, “Tu không công dụng”, là lia tạo công dụng tùy ý vận chuyển, tuy không có công dụng nhưng tùy ý mà tu, hoặc hơn hoặc kém hai thứ bất định. Lại nữa, thứ tư là “Tu xí thịnh”, xí thịnh tức là tăng thắng, tuy tu xí thịnh hoặc ít sở đắc thì liền sinh hỷ tức, nhưng tu hỷ tức này để làm gì, nên cuối cùng là nói “Tu không hỷ tức”, không phải chỉ có vô tướng và vô công dụng, xí thịnh mới là tu. Cái gì để chứng đắc quả Phật tối thượng cần phải siêng năng tu tập. “Tiêu dung tất cả nương dựa thô trọng”, thức A-lại-da gọi là nương dựa thô trọng, tổn hoại các tụ kia nên gọi là tiêu dung, như đại lương được làm tiêu dung các khối u. “Lia các thứ tướng, đắc vườn lạc pháp”, là lia các tướng tướng ngã, lia pháp, lia Phật. “Vườn”, là trong đó có thể dạo chơi. “Pháp”, là pháp giới. Pháp là vườn nên gọi là vườn pháp, trong vườn pháp này hân hoan nên gọi là vườn lạc pháp, chứng tới đây cho nên gọi là đắc pháp uyển lạc, như vườn hoa thượng diệu bên ngoài cung vua, dạo chơi trong đó cảm nhận các hỷ lạc thù thắng, pháp giới cũng vậy. “Có thể nhận biết rõ đúng về tướng chu biến vô lượng vô phần hạn. Đại pháp quang minh”, là chánh thông đạt tướng mười phương vô biên, vô lượng chiếu soi rõ hạnh nên

gọi là pháp quang minh, như quang minh khéo tụng tập văn tự. “Thuận phần thanh tịnh không chỗ phân biệt hiện hành vô tướng”, quả Phật trong vị lai gọi là phần thanh tịnh, phần này có khả năng dẫn quả kia nên gọi là thuận. Không chỗ phân biệt hiện hành vô tướng, như cái lọng trắng tốt đẹp của Phật và luân vương. “Vì khiến cho pháp thân thành tựu viên mãn có thể thâm nhận đúng các nhân thắng sau”, đệ mười địa gọi là “Viên mãn”, hoặc tại địa Phật gọi là “Thành tựu”, chiêu cảm nhân này rất thù thắng nên gọi là “Nhân thắng”, chỗ chiêu cảm tập hợp các nhân trước nên nói là “Sau”. Như vậy năm tu tùy theo số lượng của nó mà đặc năm quả.

**Luận nói:** “Do tăng thắng nên nói trong mười địa riêng tu mười thứ Ba-la-mật-đa. Chỗ tu sáu thứ Ba-la-mật-đa đối với sáu địa trước, như trước đã nói. Chỗ tu bốn Ba-la-mật-đa đối với bốn địa sau là: 1. Phương tiện thiện xảo Ba-la-mật-đa, là chỗ tích tập thiện căn của sáu Ba-la-mật-đa trước, cùng chung nơi các hữu tình hồi hướng cầu chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng. 2. Nguyện Ba-la-mật-đa, là phát vô số đại nguyện vì diệp dẫn gồm thâu tương lai với các duyên thù thắng của Ba-la-mật-đa. 3. Lực Ba-la-mật-đa, là do tư duy chọn lựa tu tập hai thứ lực, khiến cho sáu Ba-la-mật-đa trước hiện hành liên tục. 4. Trí Ba-la-mật-đa, là do sáu Ba-la-mật-đa trước, thành lập diệp trí, thọ dụng pháp lạc để thành thực hữu tình. Lại nữa, bốn thứ Ba-la-mật-đa này, phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa ấy là Trí vô phân biệt, trí Hậu đắc thâu tóm. Lại nữa, trong tất cả địa không phải không tu tập tất cả Ba-la-mật-đa, pháp môn như vậy là chỗ gồm thâu của tạng Ba-la-mật-đa”.

**Giải thích:** “Do tăng thắng nên nói trong mười địa riêng tu mười thứ Ba-la-mật-đa”, là quyết định nói nghĩa tu sai biệt là không đúng như vậy hay sao? Trong mỗi mỗi địa tu đủ mười thứ Ba-la-mật-đa, nên không phải chỉ quyết định nói địa này tu Ba-la-mật-đa này, do lời nói tăng thắng không có lỗi ấy, trong đây chỉ nói nghĩa tu tăng thắng, không ngăn cản tu Ba-la-mật-đa khác, như khế kinh nói: “Sơ địa thì bố thí Ba-la-mật-đa rất tăng thắng”, ngoài ra tất cả Ba-la-mật-đa đều không phải không tu tập, tùy sức tùy phần cho đến nói rộng. “Chỗ tu sáu thứ Ba-la-mật-đa đối với sáu địa trước, như trước đã nói”, là địa cực hỷ... trong sáu địa trước, tu bố thí nơi sáu thứ Ba-la-mật. “Chỗ tu bốn Ba-la-mật-đa đối với bốn địa sau”, là địa viễn hành... trong bốn địa sau, tu phương tiện... nơi bốn Ba-la-mật. “Phương tiện thiện xảo”, là không bỏ sinh tử mà cầu Niết-bàn, đó gọi là phương tiện thiện xảo. Nếu lấy chỗ tích tập thiện căn của sáu Ba-la-mật-đa trước, cùng chung các hữu tình vì muốn tạo

lợi ích cho họ mà không bỏ họ, phải biết tức là không bỏ sinh tử. Nếu đem thiện nầy hồi hướng cầu chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng, thì phải biết là mong cầu Niết-bàn, là phát các thứ đại nguyện vi diệu. “Là phát vô số đại nguyện vi diệu dẫn dắt đương lai với các duyên thù thắng của Ba-la-mật-đa”, là cầu nhân duyên đến bờ giác của đời vị lai, cũng là tạo lợi ích cho các hữu tình và vì mau chóng chứng Niết-bàn quả Phật mà khởi nguyện: “Nếu là xứ có duyên Ba-la-mật, thì nguyện ta nơi vị lai sẽ sinh đối với duyên kia”. Những nguyện như vậy vô lượng vô biên nên nói là “Vô số”. “Là do tư duy chọn lựa tu tập hai thứ lực”, là trong lực nầy lại nói hai thứ, ngoài ra các lực khác cũng gồm thâu trong đó. “Là do sáu Ba-la-mật-đa trước thành lập diệu trí thọ dụng pháp lạc, thành thực hữu tình”, là do sáu Ba-la-mật-đa trước thành lập trí nầy, lại do trí nầy thành lập sáu Ba-la-mật-đa trước, nói số cùng bằng vô số phẩm loại gọi là thọ dụng pháp lạc, do diệu trí ấy có thể hiểu rõ chính xác thí nầy, giới nầy, nhẫn, tấn nầy... như sự nghe pháp mà tạo lợi ích cho tất cả loài hữu tình, đó gọi là tạo lợi ích hữu tình. “Lại nữa, bốn thứ Ba-la-mật-đa này” cho đến “Trí hậu đắc gồm thâu”, đây là chỗ nói phương tiện nơi... bốn Ba-la-mật-đa sau là Trí vô phân biệt hậu đắc thâu tóm. Nếu lập mười thứ Ba-la-mật-đa thì thứ sáu Bát-nhã Ba-la-mật-đa là trí Căn bản vô phân biệt. Nếu lập sáu thứ Ba-la-mật-đa thì thứ sáu Bát-nhã Ba-la-mật-đa là chỗ gồm thâu của hai trí, Trí vô phân biệt và trí Hậu đắc. Trong trí Hậu đắc, bốn Ba-la-mật cũng gồm thâu tại pháp thứ sáu là Bát-nhã. “Pháp môn như vậy là chỗ thâu tóm của tạng Ba-la-mật-đa”, tất cả giáo pháp của Đại thừa đều gọi là tạng Ba-la-mật-đa, như vậy pháp môn mười địa là chỗ gồm thâu của tạng đó, vì mỗi mỗi địa đều sự gồm thâu của tất cả tạng Ba-la-mật-đa, lấy đây chứng biết trong tất cả địa tu đủ tất cả Ba-la-mật-đa.

**Luận nói:** “Lại nữa, trải qua bao nhiêu thời gian tu hành các địa mới được viên mãn? Có năm Bồ-đặc-già-la trải qua ba vô số đại kiếp, là hạnh thắng giải Bồ-đặc-già-la trải qua vô số đại kiếp thứ nhất tu hành viên mãn. Hạnh thanh tịnh ý lạc tăng thượng Bồ-đặc-già-la và hạnh hữu tướng hạnh vô tướng Bồ-đặc-già-la, đối với sáu địa trước và đệ thất địa trải qua vô số đại kiếp thứ hai, thứ ba tu hành viên mãn, tức là hạnh vô công dụng Bồ-đặc-già-la. Từ đây trở lên đến đệ mười địa trải qua ba vô số đại kiếp tu hành viên mãn. Trong đây có tụng:

*Lực thanh tịnh tăng thượng,  
Tâm kiên cố thắng tiến,  
Là Bồ-tát mới tu,*

*Vô số ba đại kiếp.*

**Giải thích:** “Có năm Bồ-đặc-già-la trải qua ba vô số đại kiếp”, phải biết chỉ có một vị Bồ-đặc-già-la sai biệt mà kiến lập năm thứ, là chỗ nói hạnh thắng giải.. Ở sau. “Hạnh thắng giải”, là chưa chứng chân như, chỉ nương vào thắng giải mà siêng năng tu các hạnh, hạnh này trải qua vô số đại kiếp thứ nhất tu hành viên mãn. “Hạnh tăng thượng ý lạc thanh tịnh”, là đặc ý lạc thanh tịnh tăng thượng, siêng tu các hạnh, hạnh này tại sáu địa gọi là hạnh hữu tướng, tại đệ thất địa gọi là hạnh vô tướng. Hai thứ Bồ-đặc-già-la như vậy. Trải qua vô số đại kiếp thứ hai tu hành viên mãn. Từ đây trở lên đến đệ mười địa thì hạnh này đổi tên gọi là hạnh không công dụng, trải qua vô số đại kiếp thứ ba tu hành viên mãn, hạnh vô công dụng trong đệ bát địa cũng chưa được thành mãn, trong đệ cửu địa thì hạnh này mới được thành mãn, đây chỉ có một Bồ-đặc-già-la, các vị khác tương ứng thành năm vị. Như dự lưu... từ vô thủy đến nay sinh tử lưu chuyển, bằng vào đâu để nói đầu tiên tu hành ba vô số kiếp? Để đáp câu hỏi này, nên nói Đà-tha. “Lực thanh tịnh tăng thượng”, lực thiện căn gọi là lực thanh tịnh, đây là nói người có lực thiện căn, nếu đại nguyện gọi là lực tăng thượng, ý này nói người có lực đại nguyện, vì có lực thiện căn nên có thể hàng phục những gì cần đối trị, có lực đại nguyện nên thường gặp thiện trí thức. “Tâm kiên cố thắng tiến”, tuy bị bạn ác dùng phương tiện phá hoại, nhưng rốt cuộc không buông bỏ tâm Bồ-đề, chỗ tu pháp thiện trong hiện đời và vị lai càng ngày càng tăng trưởng cuối cùng không thối giảm. Như vậy nếu lúc đó đầy đủ lực thiện căn và lực đại nguyện thì tâm đại Bồ-đề kiên cố không thối chuyển, chỗ tu pháp thiện niệm niệm tăng tiến không sinh hỷ túc, thuận theo xưa mà cùng đó gọi là đầu tiên tu hành ba vô số kiếp.

-----

### Phần thứ 7: GIỚI HỌC TĂNG THƯỢNG

**Luận nói:** “Như vậy đã nói nhân quả tu sai biệt, trong đây giới tăng thượng thù thắng làm sao thấy được? Như trong địa Bồ-tát chánh thọ luật nghi Bồ-tát nói: “Lại nữa, phải biết sơ lược là do bốn thứ thù thắng, nên thù thắng, là: 1. Do sai biệt thù thắng. 2. Do cộng học xứ bất cộng thù thắng. 3. Do quảng đại thù thắng. 4. Do thậm thâm thù thắng”.

**Giải thích:** Nương vào giới tăng thượng mà học nên gọi là giới học tăng thượng. “Như trong địa Bồ-tát chánh thọ luật nghi Bồ-tát nói”, là như trong Thi-la Ba-la-mật-đa phẩm đó nói: “Lại nữa, phải biết sơ lược là do bốn thứ thù thắng”. Các thù thắng này sẽ giải thích rộng sau.

**Luận nói:** “Sai biệt thù thắng, là giới Bồ-tát có ba phẩm riêng biệt: 1. Giới luật nghi. 2. Giới nhiếp pháp thiện. 3. Giới nhiều ích hữu tình. Trong đây, giới luật nghi phải biết là hai giới kiến lập nghĩa, giới nhiếp pháp thiện phải biết là tu tập tất cả pháp Phật kiến lập nghĩa, giới nhiều ích hữu tình phải biết là thành thực tất cả hữu tình mà kiến lập nghĩa.

**Giải thích:** sai biệt thù thắng là các Bồ-tát có đủ ba thứ giới, tức là giới luật nghi, giới nhiếp pháp thiện, giới nhiều ích hữu tình. Thanh-văn thừa thì chỉ có một thứ luật nghi Thi-la, nên Bồ-tát mong luật nghi thù thắng kia. Giới luật nghi, là chánh thọ xả lìa tất cả phẩm loại pháp ác pháp bất thiện. Giới nhiếp pháp thiện, là chánh thức tu tập mười lực, vô úy... tất cả pháp Phật. Giới nhiều ích hữu tình, là không đoái hoài vui thú riêng mình, tùy khả năng gánh vác khiến cho nhập ba thừa, bỏ khổ sinh tử, chứng vui Niết-bàn. “Luật nghi giới phải biết là hai giới kiến lập nghĩa”, là nhân của hai giới, nếu người phòng giữ thân ngữ ý thì có thể tu tập thuận hợp tất cả pháp Phật thanh tịnh, cũng có thể thành thực tất cả hữu tình khiến nhập ba thừa, các giới khác thì không được như thế.

**Luận nói:** “Học xứ cộng bất cộng thù thắng, là tất cả tánh tội của các Bồ-tát không hiện hành nên cộng với Thanh-văn, tương ưng tợ ngăn che tội có hiện hành nên bất cộng với Thanh-văn. Đối với học xứ này có giới Thanh-văn phạm mà Bồ-tát không phạm. Có giới Bồ-tát phạm mà Thanh-văn không phạm. Bồ-tát thì có đủ giới của thân ngữ tâm, Thanh-văn thì chỉ có hai giới thân ngữ, nên tâm giới của Bồ-tát cũng có phạm, không giống như Thanh-văn. Tóm lại, tất cả tạo lợi ích các hữu tình nghiệp thân, ngữ, ý vô tội, Bồ-tát thì tất cả đều phải hiện hành đều phải tu học. Phải biết như vậy gọi là thù thắng cộng, bất cộng”.



**Giải thích:** Điều mà Sát, Đạo, Dâm... Tham sinh ra là tánh tội, cắt đứt cỏ tươi... không phải chỗ sinh của tham... gọi là giá tội, Bồ-tát trong đó quán thấy có lợi ích mà không có tội thì tất cả đều phải tu, Thanh-văn thì không như thế. Lại nữa, “Tâm giới của các Bồ-tát cũng có phạm không giống như các Thanh-văn”, là chỉ có các tâm tư ác bên trong khởi dục, sân, hại... không bị phát khởi hai nghiệp thân ngữ. “Tất cả tạo lợi ích cho hữu tình nghiệp thân ngữ ý vô tội”, là có thể tạo lợi ích an lạc cho hữu tình, không phát khởi phiền não của tự tha như tham... như vậy tất cả Bồ-tát đều phải tu.

**Luận nói:** “Quảng đại thù thắng, lại do bốn thứ quảng đại: 1. Vô số xứ vô học quảng đại. 2. Do thân nhận vô lượng phước đức quảng đại. 3. Do thân nhận ý lạc tạo lợi ích an lạc cho tất cả hữu tình quảng đại. 4. Do kiến lập chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng quảng đại”.

**Giải thích:** “Vô số xứ vô học quảng đại”, là điều mà các Bồ-tát học là Thi-la, các thứ phẩm loại sai biệt vô lượng nên là quảng đại. “Thân nhận vô lượng phước đức quảng đại”, là Thi-la này có thể gồm thân vô lượng tư lương phước đức. “Thân nhận ý lạc tạo lợi ích an lạc cho hết thảy hữu tình quảng đại”, là Thi-la này gồm thân các hữu tình đời này đời khác thế gian, xuất thế gian xả ác, nhận thiện, hoặc nhân hoặc quả đều lợi ích an vui nên là quảng đại. “Kiến lập chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng quảng đại”, là Thi-la này kiến lập đại Bồ-đề nên là quảng đại. Các Thanh-văn không có các sự như vậy nên Bồ-tát là thù thắng.

**Luận nói:** “Thậm thâm thù thắng, là các Bồ-tát do phẩm loại phương tiện thiện xảo đó, hành sát sinh... nơi mười thứ tác nghiệp mà không có tội, sinh vô lượng phước mau chứng Chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng. Lại nữa, các Bồ-tát hiện hành biến hóa hai nghiệp thân ngữ, phải biết cũng là Thi-la thậm thâm, do nhân duyên này hoặc làm quốc vương thị hiện các việc bức não hữu tình, để an lập hữu tình vào Tỳ-nại-da. Lại nữa, thị hiện vô số sự bản sinh, thị hiện làm bức não các hữu tình, nhưng là chân thật thân nhận các hữu tình, trước hết khiến tâm của họ sinh tịnh tín sâu xa, sau đó thì chuyển thành thực, nên chỗ học Thi-la của Bồ-tát là thậm thâm thù thắng”.

**Giải thích:** “Do phẩm loại phương tiện thiện xảo đó”, là bi nguyện của các Bồ-tát tương ứng, sau đó đặc diệu trí. “Hành sát sinh... nơi mười thứ tác nghiệp mà không có tội...”, là ưa thích pháp thiện, chán ghét bất thiện, thấy các tà tánh gọi là ba nghiệp sau, nương vào ba nghiệp sau này mà hành sát... nơi bảy nghiệp trước mà không có tội. “Sinh vô

lượng phước mau chứng chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng”, hoặc là hành bảy nghiệp trước, không khởi ba nghiệp sau, tổng số là mười, hoặc đã phục trừ nhưng vì dò thử lực của nghiệp kia nên tạm khởi, không thể chiêu cảm khổ nên không có tội, có thể trợ đạo nên sinh vô lượng phước. “Hiện hành biến hóa hai nghiệp thân ngữ”, là nương vào Hóa thân mà phát khởi hai nghiệp, hoặc nương vào thật thân do hoá tâm phát khởi hai nghiệp thân ngữ. Ý nghiệp thì vô hình không thể biến hóa, hoặc tuy hiện có các sự Tham, Sân... nhưng đối với sự hoá độ hữu tình không có nghĩa lợi lớn nên không nói. “Để an lập hữu tình vào Tỳ-nại-da”, là làm quốc vương chế ra pháp luật, thị hiện làm bức não khiến cho hữu tình trụ trong Tỳ-nại-da kia, hoặc dùng tất cả thiện có thể diệt trừ các ác, hoặc đại Niết-bàn diệt trừ sinh tử gọi là Tỳ-nại-da. “Lại nữa, thị hiện vô số sự bản sinh”, là chỗ thị hiện các sự bản sinh biến hóa tâm của các Bồ-tát, hoặc thành Phật đã lâu thị hiện hành trở lại các sự bản sinh, tạo lợi ích cho hữu tình khiến Bồ-tát học, nên sau đó gọi là “chỗ học Thi-la của Bồ-tát”.

**Luận nói:** “Do đây lược nói bốn thứ thù thắng, phải biết Thi-la luật nghi của Bồ-tát rất thù thắng, như vậy học xứ Bồ-tát sai biệt phải biết lại có vô lượng sai biệt, như trong Tỳ-nại-da Cù-Sa Khế Kinh Phương Quảng nói”.

**Giải thích:** Hiện tại trong đây lược nói bốn thứ tướng thù thắng trong Tỳ-nại-da Cù-Sa Kinh có nói rộng: “Lại có vô lượng thù thắng”. Kinh này tức là Bồ-tát tạng thâm tóm, nên gọi là Phương Quảng.

